TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP.HCM
CHI NHÁNH 2
110 Nguyễn Thị Minh Khai - P.6 - Q.3 - TP.HCM
(08) **39300766** - (08) **39305165** - 0938005852
✉ cn2sp@vnn.vn **Website:** www.cn2sp.edu.vn **Facebook:** cn2sp

KẾT QUẢ KIỂM TRA CUỐI KHÓA TOEIC - KHÓA 147

(Khai giảng: 10,11/07/2017 -- Kết thúc: 31/8&1/9/2017)

CÁC LỚP HỌC NGÀY 2-4-6

TC 1A-K.147
Cô Ch/Anh-Cô Hạnh

No.	FULL NAME		LISTENING		READING		TOTAL
			RAW	CONVERTED	RAW	CONVERTED	
1	Nguyễn Lê	**An**	65	345	73	355	700
2	Nguyễn Thị Xuân	**Hoài**	44	210	47	195	405
3	Lê Nguyễn Mỹ	**Huyền**	43	200	52	225	425
4	Nguyễn Đình Đăng	**Khoa**	57	295	72	350	645
5	Nguyễn Thị Oanh	**Kiều**	46	220	43	170	390
6	Nguyễn Ngọc Hàn	**Ny**	41	190	36	125	315
7	Nguyễn Tấn	**Phước**	52	260	45	180	440
8	Hoàng Thị Ngọc	**Thanh**	66	350	51	220	570
9	Đào Nguyên	**Thịnh**	56	290	59	265	555
10	Võ Thị Thanh	**Tuyền**	33	145	38	140	285
11	Phạm Vương Huyền	**Vy**	60	315	68	325	640

TC 3A-K.147
Cô U/Thảo & Cô Vy

No.	FULL NAME		LISTENING		READING		TOTAL
			RAW	CONVERTED	RAW	CONVERTED	
1	Bạch Ngọc Thái	**An**	71	385	74	360	745
2	Trương Xuân	**Bích**	64	340	75	365	705
3	Phan Quang	**Đán**	50	250	51	220	470
4	Dương Ngọc	**Minh**	66	350	64	300	650
5	Nguyễn Lê Thanh	**Ngân**	88	485	76	370	855
6	Nguyễn Chân	**Phương**	70	380	75	365	745
7	Nguyễn Minh	**Quang**	67	360	75	365	725

CÁC LỚP HỌC NGÀY 3-5-7

TC 2B-K.147
Cô Ch/Anh - Cô T/Như

No.	FULL NAME		LISTENING		READING		TOTAL
			RAW	CONVERTED	RAW	CONVERTED	
1	Trần Ngọc Anh	**Cường**	67	360	63	290	650
2	Hoàng Thị Thùy	**Dương**	42	195	46	190	385
3	Nguyễn Thị Mai	**Hương**	53	270	46	190	460
4	Nguyễn Thị Thu	**Huyền**	41	190	50	215	405
5	Đỗ Duy	**Khánh**	48	240	46	190	430
6	Nguyễn Trần Đăng	**Khoa**	52	260	57	255	515
7	Quảng Thị Thúy	**Nga**	37	170	36	125	295
8	Nguyễn Thị Bé	**Ngoan**	59	310	62	265	575
9	Sử Tú	**Ngọc**	63	330	64	300	630
10	Huỳnh Ngọc Bảo	**Quyên**	60	315	59	265	580
11	Lương Trường	**Sơn**	65	345	44	175	520
12	Nguyễn Thị	**Thêu**	38	175	37	130	305
13	Vũ Ngọc Hoài	**Thương**	60	315	51	220	535
14	Nguyễn Hồng	**Vân**	61	320	55	240	560
15	Lương Quốc	**Việt**	51	255	50	215	470
16	Trương Yến	**Vy**	67	360	71	340	700
17	Nguyễn Thị Thanh	**Xuân**	41	190	43	170	360

*** Giải thích:**

- Cột 1: Số thứ tự
- Cột 2: Họ và tên
- Cột 3: Số câu Listening được trả lời chính xác
- Cột 4: Số điểm Listening được quy đổi theo thang điểm TOEIC
- Cột 5: Số câu Reading được trả lời chính xác
- Cột 6: Số điểm Reading được quy đổi theo thang điểm TOEIC